

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mực nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm theo triều, khu vực nội đồng mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước lên theo triều. Mực nước cao nhất ngày 17/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-45cm. Mực nước thấp nhất xấp xỉ cùng kỳ năm 2025 và TBNN.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước lên chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 17/3 cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-60cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 17/3 phổ biến ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-40cm.

- Khu vực cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 17/3 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 51cm, lên 6cm so với đỉnh triều ngày hôm trước.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh lên theo triều trong những ngày tới.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước trên các sông, kênh, rạch lên theo kỳ triều đầu tháng Hai Âm lịch trong những ngày tới.

- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch xuống chậm trong những ngày tới.

- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm theo xu thế triều biển Tây trong những ngày tới.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 19/3/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	17/3		16/03						18/3	19/3	20/3	21/3	22/3
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	144	2	▲	12	▲	42	▲	147	151	156	162	163
					Hmin	1	5	▲	3	▲	0	◀▶	3	4	6	9	14
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	149	1	▲	9	▲	49	▲	153	157	162	168	169
					Hmin	-14	4	▲	0	◀▶	12	▲	-12	-10	-8	-4	1
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	118	5	▲	9	▲	16	▲	119	120	118	120	123
					Hmin	43	8	▲	3	▲	11	▲	40	41	42	43	44
	Châu Độc	300	350	400	Hmax	155	0	◀▶	4	▲	48	▲	158	162	167	173	174
					Hmin	-8	3	▲	-6	▼	-2	▼	-6	-5	-3	0	5
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	164	0	◀▶	8	▲	59	▲	168	172	177	183	185
					Hmin	-13	1	▲	-5	▼	24	▲	-11	-9	-7	-3	2
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	152	0	◀▶	10	▲	47	▲	157	161	166	172	175
					Hmin	-13	3	▲	-1	▼	5	▲	-11	-9	-7	-3	2
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	49	2	▲	15	▲	15	▲	48	49	50	52	53
					Hmin	21	3	▲	11	▲	11	▲	21	22	23	24	26
	Vĩnh Giã	200	240	280	Hmax	37	1	▲	7	▲	12	▲	36	37	38	40	41
					Hmin	31	2	▲	12	▲	9	▲	31	32	33	34	36
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	45	1	▲	7	▲	10	▲	44	45	46	48	49
					Hmin	41	1	▲	15	▲	12	▲	41	42	43	44	46
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	45	1	▲	5	▲	13	▲	44	45	46	48	49
					Hmin	40	2	▲	12	▲	14	▲	40	41	42	43	45
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	52	-1	▼	7	▲	13	▲	51	52	53	55	56
					Hmin	48	2	▲	14	▲	15	▲	48	49	50	51	53
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	57	0	◀▶	19	▲	21	▲	55	56	57	58	59
					Hmin	28	3	▲	11	▲	16	▲	29	30	31	32	34
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	71	-2	▼	21	▲	37	▲	69	70	71	72	73
					Hmin	53	2	▲	18	▲	29	▲	54	55	56	57	59
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	57	-2	▼	16	▲	19	▲	55	56	57	58	59
					Hmin	50	2	▲	16	▲	21	▲	51	52	53	54	56
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	38	0	◀▶	16	▲	19	▲	37	38	39	40	41
					Hmin	29	3	▲	16	▲	16	▲	28	29	30	31	33
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	88	-2	▼	25	▲	37	▲	87	88	89	90	91
					Hmin	67	1	▲	17	▲	32	▲	66	67	68	69	71
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	111	1	▲	20	▲	39	▲	110	111	112	113	114
					Hmin	63	3	▲	14	▲	27	▲	62	63	64	65	67
Rạch Giá- Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	83	-4	▼	24	▲	25	▲	82	83	84	85	86
					Hmin	57	3	▲	19	▲	19	▲	56	57	58	59	61
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	69	-2	▼	24	▲	22	▲	68	69	70	71	72
					Hmin	53	4	▲	20	▲	21	▲	52	53	54	55	57

Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	54	-2	▼	26	▲	21	▲	53	54	55	56	57
					Hmin	42	5	▲	21	▲	28	▲	41	42	43	44	46
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	35	0	◀▶	20	▲	5	▲	35	34	35	36	37
					Hmin	15	8	▲	23	▲	36	▲	13	11	10	11	14
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	51	6	▲	3	▲	13	▲	50	53	58	65	73
					Hmin	-11	6	▲	17	▲	22	▲	-9	-11	-15	-18	-21

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





